

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HS-ST

Ngày: 16-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh

Ông Trần Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/HSST ngày 13/6/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Kim L (tên thường gọi: Bé Cháu); sinh năm 1977 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: tổ 30, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Làm rẫy; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn X T (đã chết) và bà Lê Thị L; sinh năm: 1957; có chồng: Nguyễn Việt H, sinh năm 1970; có 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

2. Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: tổ 25, ấp Xà B, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Buôn bán, trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1948 và bà Đình Thị Ng (đã chết); có chồng: Võ Văn H, sinh năm: 1970; có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú(*có mặt*).

3. Trương Thị C (Chị Năm), sinh năm 1961 tại Đồng Nai; nơi cư trú: tổ 89, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Bán vé số, trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; con ông Trương H và bà Quách Thị L (đều đã chết); có chồng: Tăng

Ng, sinh năm: 1957 (đã chết); có 02 người con, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1983; ch1sau Nguyễn Văn B sinh năm 1852 (cũng đã chết); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Phạm Thị Lệ Th; sinh năm 1978 tại Bình Định; Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh P; chỗ ở và làm việc hiện nay: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Thợ uốn tóc; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm H (đã chết) và bà Lê Thị Phương T; sinh năm: 1952; có chồng: Đỗ Trọng Th, sinh năm: 1972 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Nguyễn Văn H; sinh năm 1979 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: phụ hồ; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1942 và bà Tôn Nữ Thị Th, sinh năm: 1950; vợ: Huỳnh Thị L, sinh năm: 1982; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Trương Văn H; sinh năm 1999 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: đầu bếp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Trương Văn H, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1971; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

7. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 tại Quảng Trị; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn S, sinh năm: 1954 và bà Phạm Thị Y, sinh năm: 1951; có chồng: Ngô Văn Th, sinh năm: 1978; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

8. Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 tại Quảng Trị; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Hưu trí; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn H, sinh năm: 1938 và bà Văn Thị Đ, sinh năm: 1938; có chồng: Lâm Văn C, sinh năm: 1958; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

9. Nguyễn Thị Kim Th(Bậ), sinh năm 1984 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn X Th (đã chết); con bà Lê Thị L, sinh năm 1957; chồng: Trần T, sinh năm: 1979; có 01 con sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

10. Nguyễn Vũ H1S, sinh năm 1985 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: phụ hồ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Q (đã chết); con bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1957; tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

11. Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1977 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: tổ 56, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Làm Thê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn M (đã chết); con bà Lê Thị L, sinh năm 1941; chồng: Nguyễn Văn M, sinh năm 1972 (đã ly hôn); có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

12. Phạm Đình Th(Li), sinh năm 1990 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Đình B, sinh năm 1959 và bà Cái Thị H1Th (đã chết); tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

13. Nguyễn Thị H1; sinh năm 1979 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: tổ 5, ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1940 và bà Lê Thị H (đã chết); có chồng: Nguyễn Th, sinh năm 1978; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

14. Lê Thị H2; sinh năm 1964 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Hưu trí; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn Ph và bà Đình Thị Th (đều đã chết); có chồng: Trần Tr, sinh năm 1954; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

15. Bạch Thạch Ch, sinh năm 1983 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: ấp Tiến Thành, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; nghề ngH: Thợ S; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Bạch Văn K, sinh năm: 1947 và Phạm Thị H, sinh năm: 1951; vợ: Đoàn Thị Mỹ Nh, sinh năm: 1987 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

16. Trần Thị X, sinh năm 1952 tại Quảng Trị; Nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông Trần Th và bà Nguyễn Thị V (đều đã chết); chồng: Bùi Văn Th, sinh năm 1946; có 07 người con, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1992;

tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

17. Võ Đức C, sinh năm 1990 tại Bà Rịa Vũng Tàu; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Thợ điện nước; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Võ Đức O, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

18. Lê Thị T, sinh năm 1956 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B; nghề ngH: Nội trợ; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Kh và bà Hồ Thị Ng (đều đã chết); chồng: Ngô Thanh Q, sinh năm 1944 (đã chết); có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án: Không; tiền sự: Kkhông; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn H, sinh năm 1970.

2. Ông Huỳnh M, sinh năm 1973.

Cùng cư trú tại: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B (ông H có mặt; ông M vắng mặt).

3. Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1978; cư trú tại: tổ 39, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B (có mặt).

4. Ông Lê Văn Y, sinh năm 1948.

5. Bà Nguyễn Thị Kim L (Chị L), sinh năm 1958.

Cùng cư trú tại: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B (ông Y vắng mặt; bà L có mặt).

6. Bà Võ Thị H1G, sinh năm 1986.

7. Ông Phùng Hữu K, sinh năm 1943; cùng cư trú tại: ấp C, xã Q, huyện C, tỉnh B (bà G, ông K có mặt).

8. Ông Đỗ Trọng Th, sinh năm 1972; cư trú tại: thôn Kinh Tế, xã Canh Thận, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

Người làm chứng:

Bà Lê Thị L, sinh năm 1957; cư trú tại: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/3/2018, Nguyễn Thị Kim L tổ chức đánh bạc tại nhà của L ở ấp Xà B, xã X, huyện C, tỉnh B cho 17 người gồm: Nguyễn Thị Kim Th, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Thị Kim C, Trương Văn H, Phạm Đình Th, Nguyễn Vũ H1S, Bạch Thạch Ch, Nguyễn Thị H1, Lê Thị H2, Lê Thị T, Nguyễn Văn H, Trương Thị C, Nguyễn Thị Th, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H, Trần Thị X và Võ Đức C đánh bạc bằng hình thức đánh bài “xì lát” ăn tiền. Các con bạc Chia làm 11 “tụ”, mỗi “tụ” được Chia 2 lá bài; Tỷ lệ ăn Tha là 1-1 mỗi tụ bài đặt từ 50.000đ đến 200.000đ; Cách tính điểm:

- Các lá bài: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 thì số điểm tương ứng với con số của lá bài.
- Các lá bài: J, Q, K thì mỗi lá được tính 10 điểm.
- Lá bài át (A): Có thể tính linh hoạt là 1 điểm, 10 điểm hoặc 11 điểm, tùy theo số điểm của các lá bài hiện có sao cho có lợi nhất.

Giai đoạn 1: Tính điểm 2 lá.

Với 2 lá bài đầu tiên, nếu có bài sau đây sẽ dùng luôn để hưởng lợi:

- Xì bàng: 2 lá AA.
- Xì dách: 1 lá A và thêm một trong các lá 10, J, Q, K.

Sau khi tính điểm 2 lá, người chơi có quyền bốc thêm bài hoặc dừng sao cho số điểm nằm trong khoảng từ 16 đến 21 điểm.

- Non: Bài dưới 16 điểm, buộc phải kéo thêm cho đủ ít nhất là 16 điểm.
- Đủ: Bài từ 16 đến 21 điểm.
- Quá (quắc): Bài lớn hơn 21 điểm. Khi bị quá người chơi không có quyền bốc tiếp.

– Ngũ linh: 5 lá bài mà tổng điểm nhỏ hơn 21. Người chơi thắng tuyệt đối. Trường hợp cả 2 bên đều ngũ linh, ai ít điểm hơn sẽ thắng.

– Cách tính thắng Thà (giữa cái và tay con): Xì bàng thắng xì dách, xì dách thắng ngũ linh, ngũ linh thắng từ 16 điểm đến 21 điểm, ai có điểm cao hơn trong khoảng 16 điểm đến 21 điểm thì thắng nhau. Hai bên đều quá 21 điểm hoặc bằng điểm nhau trong khoảng từ 16 điểm đến 21 điểm thì hòa nhau. Các bị cáo chơi đánh bạc đến 21 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức phối hợp với Công an xã Xà Bang bắt quả tang vật chứng Th giữ gồm: 08 bộ bài Tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 Chéc mền (kích thước 1,6m x 2,4m); 01 đĩa sứ màu trắng đường K 12cm; Tiền trên Chếu bạc: 10.870.000đ; Th giữ tiền trong người các con bạc: Phạm Thị Lệ Th: 2.500.000đ; Trương Thị C: 2.950.000đ; Nguyễn Văn H: 200.000đ; Võ Đức C: 150.000đ và Nguyễn Thị Kim L: 90.000đ (tiền xâu). Điện thoại di động: 07 Chéc các loại; 07 xe mô tô các loại bao gồm: 72-227KB; 78X1-4758; 72F1-058.36; 72F1-424.69; 60Y8-4295; 72H9-8403; 72H4-4909;

+ Hành vi tổ chức đánh bạc của Nguyễn Thị Kim L: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 28/3/2018, L đi mua 05 (năm) bộ bài tây 52 lá về nhà mình để phục vụ việc tổ chức đánh bạc. L chuẩn bị mền, bài, chén để đánh bạc. L quy định: Sau khi mỗi người làm cái được 3 ván thì L lấy tiền xâu 10.000đ, nếu ăn thì lấy tiền xâu là 20.000đ. Tối ngày 28/3/2018 các bị cáo: Nguyễn Thị Kim Th, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Thị Kim C, Trương Văn H, Phạm Đình Th, Nguyễn Vũ H1S, Bạch Thạch Ch, Nguyễn Thị H1, Lê Thị H2, Lê Thị T, Nguyễn Văn H, Trương Thị C, Nguyễn Thị **Th**, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H, Trần Thị X và Võ Đức C đến nhà L để chơi đánh bạc ăn tiền với nhau. Các đối tượng Cha làm 11 tụ chơi với nhau, một số còn lại thì chơi “ké”, mỗi tụ thay phiên nhau làm cái 3 ván, sau khi làm cái xong thì đưa tiền xâu. L không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi Th tiền xâu được 90.000đ để trong ca nhựa dưới Chếu bạc thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

+ Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị Kim C: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 28/3/2018, Cúc điều khiển xe mô tô biển số 72-227KB chở Nguyễn Thị H đến nhà Nguyễn Thị Kim L để chơi đánh bạc. Khi đi, Cúc mang theo số tiền 4.000.000đ để chơi đánh bạc. C đặt ké vào tụ Nguyễn Thị H 02 (hai) ván, mỗi ván 50.000đ (một

ván thắng, một ván Tha). Nguyễn Thị H Tha hết tiền đứng lên, Cúc vào đánh thay tụi Nguyễn Thị H và tiếp tục đặt 50.000đ thì bị bắt quả tang. C bị Th giữ toàn bộ số tiền để trên Chếu bạc và 01 điện thoại Iphone 5, màu trắng và 01 Chéc xe mô tô nêu trên.

+ Hành vi đánh bạc của Trương Thị C: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 28/3/2018, Trương Thị C điều khiển xe mô tô biển số 60Y8-4295 đến nhà L để chơi đánh bài xì lát ăn tiền. Khi đi, C mang theo số tiền 3.000.000đ để đánh bạc. C đặt 02 ván, mỗi ván 50.000đ, ván đầu Tha, ván thứ hai đang chơi thì bị bắt quả tang và Th giữ số tiền 2.950.000đ trong người C, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ và 01 Chéc xe mô tô biển số 60Y8-4295.

+ Hành vi đánh bạc của Phạm Thị Lệ Th: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, Th điều khiển xe mô tô biển số 78X1-4158 đến nhà L để chơi đánh bài ăn tiền. Khi đi Th mang theo số tiền 2.300.000đ để đánh bạc. Th chơi riêng một tụi, mỗi ván đặt từ 50.000đ đến 100.000đ. Th ăn được số tiền 200.000đ để dưới Chếu bạc. Trong lúc Th đang tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang, Th giữ số tiền của Th để dưới Chếu bạc là 200.000đ, Th giữ trong người Th số tiền 2.500.000đ và 01 Chéc xe mô tô nêu trên.

+ Hành vi đánh bạc của Nguyễn Văn H: Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 28/3/2018, H điều khiển xe mô tô biển số 72F1-058.36 đến nhà Nguyễn Thị Kim L để đánh bài xì lát ăn tiền. Khi đi, H mang theo số tiền 1.500.000đ để đánh bạc. H chơi riêng một tụi, mỗi ván đặt từ 20.000đ đến 50.000đ, H chơi và đặt tiền được khoảng 07 ván và làm cái 03 ván Tha 1.250.000đ. Đến lượt Nguyễn Thị Kim Th làm cái, H đặt tiền để chơi đánh bạc thì bị bắt quả tang. Th giữ trong người H 200.000đ và 01 Chéc xe mô tô biển số 72F1-058.36.

+ Hành vi đánh bạc của Trương Văn H: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 28/3/2018, Hào đi cùng với Nguyễn Vũ H1S đến nhà Nguyễn Thị Kim L để chơi đánh bài xì lát ăn tiền. Khi đi H mang theo số tiền 1.200.000đ để đánh bạc. H chơi riêng một tụi, đặt mỗi ván 100.000đ, chơi được 07 ván và thắng được 300.000đ thì bị bắt quả tang. Hào bị Th giữ toàn bộ số tiền để dưới Chếu bạc.

+ Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị **Th**: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, Ngô Văn Th (cH1 của **Th**) điều khiển xe mô tô biển số 72H4-4909 chở **Th** đến nhà Nguyễn Thị Kim L để đánh bạc. **Th** chơi riêng 01 tụi. Trước khi đi đánh bạc **Th** mang theo số tiền 1.000.000đ, **Th** đánh 03 ván, mỗi ván 50.000đ, ăn được 50.000đ. Trong lúc đang chơi thì bị bắt quả tang. Th giữ của **Th** số tiền 1.050.000đ để dưới Chếu bạc. (Thành – cH1 **Th** không tham gia đánh bạc).

+ Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị H: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, Nguyễn Thị H đi cùng với Nguyễn Thị Kim C đến nhà Nguyễn Thị Kim L để chơi đánh bạc. Khi đi H mang theo số tiền 600.000đ để đánh bạc. Mỗi ván H đặt 50.000đ, ngoài ra H còn cho những người khác đánh ké vào tụi bài của mình. H không thắng, không Tha, trong lúc đang chơi thì bị bắt quả tang và Th giữ 600.000đ của H để dưới Chếu bạc và 01 điện thoại Nokia màu đỏ.

+ Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị Kim Th: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, Th đi bộ tới nhà Nguyễn Thị Kim L để đánh bạc. Khi đi Th mang theo 500.000đ để đánh bạc. Lúc đầu, Th đánh cho bà Trần Thị X 02 (hai) ván, một ván thắng và một ván hòa. Sau đó Th trực tiếp tham gia đánh bạc và đứng ra làm cái

cho 10 người khác cùng chơi. Trong lúc Th đang làm cái thì bị bắt quả tang. Th Tha 300.000đ, còn lại 200.000đ bị Th giữ.

+ Hành vi đánh bạc của Nguyễn Vũ H1S: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 28/3/2018, S đi cùng với Hào đến nhà L để đánh bạc. Khi đi, S mang theo số tiền 500.000đ để đánh bạc, S đánh kè vào tụ bài của Th, mỗi ván đặt từ 50.000đ đến 100.000đ. S chơi được 6 – 7 ván không thắng không Tha. S đang chơi thì bị bắt quả tang và Th giữ của S 500.000đ để dưới Chén bạc.

+ Hành vi đánh bạc của Lê Thị Ngọc H: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, H đi bộ đến nhà Nguyễn Thị Kim L để đánh bạc. Khi đi, H mang theo số tiền 500.000đ để đánh bạc. H đánh kè tụ của Nguyễn Thị **Th**, mỗi ván 50.000đ. H Tha hết 300.000đ, còn lại 200.000đ đang chơi thì bị bắt quả tang. Th giữ 200.000đ của H để dưới Chén bạc và 01 điện thoại Iphone 5 màu đen.

+ Hành vi đánh bạc của Phạm Đình Th: Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 28/3/2018, Th mang theo số tiền 300.000đ đến nhà Nguyễn Thị Kim L để chơi đánh bạc. Lúc đầu Th làm cái chơi đánh bạc với S, Hào và một người phụ nữ không biết tên, mỗi tụ đặt 20.000đ, sau 03 ván làm cái Th ăn được số tiền 40.000đ. Sau đó người chơi đến ngày một đông, Th không làm cái nữa mà chuyển qua chơi riêng một tụ, trong quá trình đánh bạc Th thắng được 300.000đ để dưới Chén bạc. Trong lúc Th đang đánh bạc thì bị bắt quả tang. Th giữ toàn bộ số tiền Th để dưới Chén bạc và 01 điện thoại Philip màu đỏ.

+ Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị H1: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, H1 đi bộ đến nhà Nguyễn Thị Kim L để chơi đánh bạc. Khi đi, H1 mang theo số tiền 300.000đ để đánh bạc. H1 ngồi phía sau và chơi kè vào tụ của Nguyễn Thị H, mỗi ván đặt 50.000đ, chơi được 4 – 5 ván Tha 150.000đ. Trong lúc H1 đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, Th giữ của H1 số tiền 150.000đ để dưới Chén bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar.

+ Hành vi đánh bạc của Lê Thị H2: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, Lê Thị H2 đi cùng với Trần Thị X đến nhà Nguyễn Thị Kim L để đánh bạc. Khi đi H2 mang theo số tiền 300.000đ để đánh bạc. H2 đánh kè vào tụ bài của Trần Thị X từ 20.000đ đến 30.000đ. Đến khoảng 20 giờ 30 phút thì Tha hết tiền và ngồi phía sau lưng Trần Thị X thì bị bắt cùng với những người khác.

+ Hành vi đánh bạc của Bạch Thạch Ch: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 28/3/2018, Ch đi cùng với bạn gái tên Võ Thị H1G đến nhà L. Trước khi vào nhà L, Ch mượn Găm 200.000đ để mua Thốc hút, sau khi mua Thốc xong số tiền còn dư Ch bỏ trong túi. Vào nhà Nguyễn Thị Kim L, Ch chơi riêng một tụ, mỗi ván đặt 50.000đ, chơi được 4 – 5 ván thắng được số tiền 150.000đ để dưới Chén bạc thì bị bắt quả tang và bị Th giữ toàn bộ số của Ch.

+ Hành vi đánh bạc của Trần Thị X: Khoảng 19 giờ 30 ngày 28/3/2018 Trần Thị X đi bộ đến nhà Nguyễn Thị Kim L để chơi đánh bạc. Khi đi, X mang theo số tiền 200.000đ để đánh bạc. X chơi chung tụ với Lê Thị H2. X đặt khoảng 5 – 6 ván, mỗi ván 50.000đ. Trong lúc đang chơi bị bắt quả tang không bị tạm giữ tài sản gì (X bị Tha hết tiền).

+ Hành vi đánh bạc của Võ Đức C: Khoảng 21 giờ 00 ngày 28/3/2018 Võ Đức C điều khiển xe mô tô biển số 72H9-8403 đến nhà Nguyễn Thị Kim L để đánh bạc. Khi đi C mang theo 200.000đ để đánh bạc. C chơi kè vào tụ bài của

Nguyễn Thị H, chơi 2 ván, huề vốn 1 ván và Tha 1 ván 50.000đ. Trong lúc đang chơi thì bị bắt quả tang. Th giữ trong người C số tiền 150.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastell 109i, màu đỏ đen cùng với Chéc xe mô tô biển số 72H9-8403.

+ Hành vi đánh bạc của Lê Thị T: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 28/3/2018, Lê Thị T đi bộ đến nhà Nguyễn Thị Kim L để đánh bạc. Trước khi đi T mang theo số tiền 50.000đ đánh ké vào tụ Lê Thị H2 Tha hết tiền và ngồi xem thì bị bắt.

Tại bản Cáo trạng số: 42/CT-VKS ngày 13/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu quan điểm về vụ án, kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Kim L mức án tù 12 đến 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C mỗi bị cáo mức án tù 07 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị Kim Th, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị **Th** mỗi bị cáo mức án tù 07 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo: Trương Văn H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T mỗi bị cáo mỗi bị cáo từ 50.000.000đ đến 70.000.000đ về tội “Đánh bạc” để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo L, Cúc, C, Th, Th, Nguyễn Văn H và **Th**; tịch Th sung quỹ nhà nước tiền Th trên Chếu bạc và trong người con bạc, tiền xâu; 02 xe mô tô; 07 điện thoại di động các loại; tịch Th tiêu hủy: Công cụ phương tiện dùng vào việc đánh bạc; trả lại 01 xe mô tô cho chủ sở hữu (bà L);

Các bị cáo: Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, TNguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình

Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong các biên bản lấy lời khai tại cơ quan điều tra; tại phiên tòa:

1. Ông Võ Văn H là chủ xe mô tô biển số 72-227KB (số máy: 3039830, số khung: 3039466) là tài sản của ông Võ Văn H

2. Ông Huỳnh M là chủ xe mô tô biển số: 72F1-058.36 (số máy: C43E-6209293, số khung: 4325BY-277148) là tài sản của ông Huỳnh M.

3. Ông Ngô Văn Th là chủ xe mô tô biển số 72H4-4909 (số máy: 50FMG-30116555, số khung: CG0011L-0106555) là tài sản của ông Ngô Văn Th

4. Bà Võ Thị H1G là chủ xe mô tô biển số 72F1-424.69 (số máy: JF58E-0865401, số khung: 5802EY-865386) là tài sản hợp pháp của bà Võ Thị H1.

Ông Hậu, ông M, ông Th và bà Gấm đã nhận lại xe mô tô của mình và không có ý kiến gì.

5. Ông Phùng Hữu K trình bày: Xe mô tô biển số 72H9 - 8403 (số máy: 150FMG-80125342, số khung: LCG0034U-125342) là do ông K đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ông K đã bán lại cho bà Nguyễn Thị Kim L nhưng chưa sang tên. Ông K không có ý kiến gì.

6. Bà Nguyễn Thị Kim L: Xe mô tô biển số 72H9 - 8403 (số máy: 150FMG-80125342, số khung: LCG0034U-125342) là tài sản hợp pháp của bà L. Bà L mua lại của ông Phùng Hữu K nhưng chưa làm thủ tục sang tên (Bà L là mẹ của Võ Đức C). Bà L không biết C sử dụng xe trên đi đánh bạc. Bà L xin nhận lại Chéc xe này.

7. Ông Đỗ Trọng Th: Xe mô tô biển số 78X1- 4758 (số máy: JF27E-0390552, số khung: 1805AY-343659) do ông Đỗ Trọng Th (là cH1cũ của Phạm Thị Lệ Th), năm 2014 ông Th và Th ly hôn, ông Th cho Th Chéc xe mô tô nói trên nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ông Th không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra trong tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 13/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H,

Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và tại phiên tòa Kiểm sát viên kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo giữ nguyên Cáo trạng là có căn cứ, nên xem xét, chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo: Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T đều thừa nhận:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 28/3/2018, Nguyễn Thị Kim L đang tổ chức cho các bị cáo: Nguyễn Thị Kim Th, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Thị Kim C, Trương Văn H, Phạm Đình Th, Nguyễn Vũ H1, Bạch Thạch Ch, Nguyễn Thị H1, Lê Thị H2, Lê Thị T, Nguyễn Văn H, Trương Thị C, Nguyễn Thị **Th**, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H, Trần Thị X và Võ Đức C đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì lát ăn tiền nhằm mục đích Th “tiền xâu” tại nhà ở riêng ấp Xà B, xã X, huyện C, tỉnh B thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức bắt quả tang.

Vật chứng được Th giữ: 08 bộ bài Tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 Chéc mền (kích thước 1,6m x 2,4m); 01 đĩa sứ màu trắng đường K 12cm; Tiền trên Chéc bạc: 10.870.000 đồng; Th giữ tiền trong người các con bạc là 5.800.000 đồng và 90.000 đồng (tiền xâu). Th giữ 07 điện thoại di động và 07 Chéc xe mô tô các loại.

[3] Bị cáo Nguyễn Thị Kim L không tham gia đánh bạc nhưng là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và địa điểm cho 17 người tham gia đánh bài xì lát ăn tiền với nhau để thu tiền xâu. Khi bị bắt quả tang thì thu giữ của L 90.000đ tiền xâu.

[4] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Châu Đức lập ngày 28/3/2018; Vật chứng Th giữ gồm: 08 bộ bài Tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 Chéc mền (kích thước 1,6m x 2,4m); 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 12cm; Tiền trên Chéc bạc: 10.870.000đ; thu giữ tiền trong người các con bạc: Phạm Thị Lệ Th: 2.500.000đ; Trương Thị C: 2.950.000đ; Nguyễn Văn H: 200.000đ; Võ Đức C: 150.000đ và Nguyễn Thị Kim L: 90.000đ (tiền xâu); 07 Điện thoại di động các loại; 07 xe mô tô các loại: 72-227KB; 78X1-4758; 72F1-058.36; 72F1-424.69; 60Y8-4295; 72H9-8403; 72H4-4909 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo: Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T đồng phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[5] Các bị cáo: Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình

Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T đều là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình, nhưng vì tham lam, tư lợi, coi thường pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội, muốn kiếm tiền bằng trò đồ đen nên các bị cáo đã dần thân vào con đường phạm tội. Chỉ vì ham mê cờ bạc mà đã làm cho nhiều gia đình tan vỡ, mất hạnh phúc. Hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức chơi “xì lát” của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự công cộng chung mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần phải có bản án thật nghiêm khắc, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với mỗi bị cáo để quyết định cho mỗi bị cáo một mức hình phạt phù hợp.

Trước khi thực hiện tội phạm, các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, không có sự chỉ huy phục tùng, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm, mà các bị cáo phạm tội mang tính tự phát. Do đó không coi là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó hành vi của bị cáo: Nguyễn Thị Kim L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, do đó Nguyễn Thị Kim L là người giữ vai trò nguy hiểm nhất trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C là những người tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất. Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C là những người tham gia với số tiền ít hơn còn Lê Thị T là người đồng phạm tham gia với số tiền ít nhất.

[7] Tình tiết tăng nặng: Không.

[8] Tình tiết giảm nhẹ: Số tiền mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc không lớn. 17 bị cáo Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T đều phạm tội lần đầu và Thộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, tất cả 18 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với 17 bị cáo Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T.

[9] Tất cả các bị cáo đều có nhân thân tốt và đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thị Kim Th, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Thị **Th** và Nguyễn Văn H tham gia với vai trò không đáng kể. Hoàn cảnh hiện tại khó khăn, gia đình xin bảo lãnh. Các bị cáo xin được hưởng án treo. Thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo Th, Th, **Th** và H ra khỏi xã hội mà giao cho

chính quyền địa phương và gia đình nơi các bị cáo thường trú, làm việc quản lý, giáo dục cũng đáp ứng được yêu cầu đấu tranh giáo dục phòng ngừa chung. Vì vậy, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo Th, Th, **Th** và H được hưởng án treo và ấn định cho các bị cáo một thời gian thử thách hợp lý.

Các bị cáo: Trương Văn H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T tham gia đánh bạc với số tiền ít. Vì vậy không áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo này.

[10] Trong vụ án này, ngoài các bị cáo bị xét xử, còn có: Lê Thị L; Võ Thị H1 và Ngô Văn Th. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định bà L, bà G và ông Th không tham gia đánh bạc, nên không xử lý bà L, bà G và ông Th về hành vi đánh bạc.

[11] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo tham đánh bạc có ăn, có Tha. Vì vậy, cần áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L; áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Cúc, C, Th, Nguyễn Văn H, **Th**, Th để buộc các bị cáo nộp một khoản tiền Th hợp vào ngân sách nhà nước.

[12] Xử lý vật chứng:

Xe mô tô biển số 72-227KB (số máy: 3039830, số khung: 3039466) là tài sản của ông Võ Văn H, ngày 28/3/2018 Nguyễn Thị Kim C sử dụng đi đánh bạc ông H không biết;

Xe mô tô biển số: 72F1-058.36 (số máy: C43E-6209293, số khung: 4325BY-277148) là tài sản của ông Huỳnh M, ngày 28/3/2018, ông M cho Nguyễn Văn H mượn, không biết H sử dụng đi đánh bạc;

Xe mô tô biển số 72H4-4909 (số máy: 50FMG-30116555, số khung: CG0011L-0106555) là tài sản của ông Ngô Văn Th ngày 28/3/2018, ông Th điều khiển xe chở Nguyễn Thị **Th** đến nhà L chơi, sau đó **Th** tham gia đánh bạc, còn ông Th không tham gia đánh bạc;

Xe mô tô biển số 72F1-424.69 (số máy: JF58E-0865401, số khung: 5802EY-865386) là tài sản hợp pháp của bà Võ Thị H1, ngày 28/3/2018, Gắm điều khiển xe chở Bạch Thạch Ch (đến nhà L chơi, sau đó Ch tham gia đánh bạc, còn G không tham gia đánh bạc; Ngày 06/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã trả lại 04 Chéc xe nói trên cho các chủ sở hữu (đã xử lý xong).

10.870.000đ là tiền Th trên Chéc bạc; 5.800.000đ là tiền Th trong người các con bạc và 90.000đ (tiền râu).

Xe mô tô biển số 78X1- 4758 (số máy: JF27E-0390552; số khung: 1805AY-343659) do ông Đỗ Trọng Th (là chồng cũ của Phạm Thị Lệ Th) đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Năm 2014 ông Th và Th ly hôn, ông Th cho Th chiếc xe mô tô nói trên nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Th dùng xe này làm phương tiện để đi đánh bạc.

Xe mô tô biển số 60Y8 - 4295 (số máy: HC12E-2698894, số khung: 1209AY-198870) do ông Nguyễn Văn B (là chồng của Trương Thị C) đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe, hiện ông B đã chết). Xe chưa làm thủ tục sang tên. C dùng xe này làm phương tiện để đi đánh bạc.

01 điện thoại Iphone 5, 01 điện thoại Philip E103 màu đỏ; 01 điện thoại Iphone 5, màu xám đen; 01 điện thoại Nokia 105, màu đỏ; 01 điện thoại Mobistar; 01 điện thoại Nokia CE0168 màu đỏ và 01 điện thoại Mastell 109i, màu đỏ đen đây là những tài sản của các bị cáo đem đi khi đánh bạc. Các bị cáo không có yêu cầu nhận lại thì áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước Tiền và hai Chéc xe nêu trên.

08 bộ bài Tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 Chéc mền (kích thước 1,6m x 2,4m); 01 đĩa sứ màu trắng đường K 12cm thì áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

Xe mô tô biển số 72H9 - 8403 (số máy: 150FMG-80125342, số khung: LCG0034U-125342) là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim L (là mẹ của Võ Đức C), bà L mua lại của ông Phùng Hữu K, nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Bà L không biết C sử dụng xe mô tô trên đi đánh bạc thì áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại xe mô tô nói trên cho bà Trương Văn H.

Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý các vật chứng trên.

[16] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo: Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo: Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Hình phạt chính:

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, nhưng trừ cho L 03 (ba) ngày L đã bị tạm giữ trước đó (ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018). Như vậy thời hạn tù mà L còn phải chấp hành là 14 (mười bốn) tháng 27 (hai bảy) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C mỗi bị cáo 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng trừ cho C, C mỗi bị cáo 03 (ba) ngày mà các bị cáo: C, C đã bị tạm giữ trước đó (ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018). Như vậy thời hạn tù mà các bị cáo: C, C còn phải chấp hành là 07 (thất) tháng 27 (hai bảy) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị Kim Th, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Thị **Th** và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án 16/7/2018 đối với 04 bị cáo Th, Th, **Th** và H.

Giao Nguyễn Thị Kim Th, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Thị **Th** và Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nơi Th, Th, **Th** và H thường trú, sinh sống và làm việc để quản lý, giáo dục.

Trong trường hợp các bị cáo Th, Th, **Th** và H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự”.

4/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo:

Trương Văn H phải nộp số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Nguyễn Thị H, Nguyễn Vũ H1S, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Võ Đức C mỗi bị cáo phải nộp số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Trần Thị X, Lê Thị T mỗi bị cáo phải nộp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 322 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải nộp 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị **Th** và Nguyễn Thị Kim Th mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Xử lý vật chứng:

1/ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 16.670.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Philip E103 màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu xám đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar

màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia CE0168 màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Masstel A109i, màu đỏ đen;

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AirBlade, loại xe hai bánh màu Đỏ-Đen, biển số 78X1- 4758 (số máy: JF27E-0390552; số khung: RLHJF1805AY-343659).

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WaveS, loại xe hai bánh màu Đỏ-Đen, biển số 60Y8 - 4295 (số máy: HC12E-2698894, số khung: LHHC1209AY-198870).

2/ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 08 (tám) bộ bài Tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 Chéc mền (kích thước 1,6m x 2,4m); 01 đĩa sứ màu trắng đường K 12cm.

3/ Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu DAYANG, kiểu Wave, loại xe hai bánh màu Xanh-Đen, biển số 72H9 - 8403 (số máy: VTRDY150FMG-80125342, số khung: VMXLCG0034U-125343) cho bà Nguyễn Thị Kim Trương Văn H.

Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý các vật chứng trên.

Án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1S, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/7/2018), các bị cáo: Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim C, Trương Thị C, Phạm Thị Lệ Th, Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Nguyễn Thị **Th**, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Vũ H1, Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Thị H1, Phạm Đình Th, Lê Thị H2, Bạch Thạch Ch, Trần Thị X, Võ Đức C và Lê Thị T; ông Hậu, ông Th, bà L, bà G và ông K có quyền kháng cáo. Đối với: ông M, ông Th, ông Y vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Ch cục THA dân sự H.Châu Đức;
- Công an huyện Châu Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA